

Số: 2259/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 07 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu báo giá mua sắm vật tư y tế sử dụng cho phẫu thuật và can thiệp tim mạch

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/06/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Mua sắm vật tư y tế sử dụng cho phẫu thuật và can thiệp tim mạch với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

- Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16h30p ngày 28 tháng 07 năm 2023 đến trước 16h30p ngày 11 tháng 08 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.



II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị) (Chi tiết phụ lục 1 đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không tạm ứng, thanh toán thành nhiều đợt trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hàng hóa chứng từ hợp lệ.

5. Các thông tin khác: Mẫu báo giá chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 2259/ TB - BVT ngày 28 tháng 07 năm 2023 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
I	Mạch ngoại vi			
1	Đầu đốt laser điều trị tĩnh mạch hiển	Cái	Đầu đốt laser nội mạch gồm sợi quang học, đường kính catheter $\geq 400\mu\text{m}$ - Chiều dài của ống thông $\geq 2,5\text{m}$ - Đầu đốt tương thích với bước sóng 1470	85
2	Ống thông (đầu đốt) RF điều trị suy tĩnh mạch chi dưới	Cái	* Ống thông được dùng để điều trị tĩnh mạch hiển. Ống thông bao gồm một mũi kim $\geq 5\text{ mm}$ * Kích thước: - Chiều dài: $\geq 1100\text{ mm}$ - Đường kính: $\geq 1.9\text{ mm}$ - Đầu kim : $\geq 5\text{ mm}$ - Vật liệu cách nhiệt	30
3	Keo sinh học tĩnh mạch	Lọ	Hệ thống điều trị cho bệnh nhân suy tĩnh mạch, hệ thống bao gồm: + Súng bơm keo + Keo đi kèm $\geq 5\text{ml}$ + Catheter tương thích với wire $\leq 0.035"$. + Dây dẫn đầu J dài $\geq 180\text{ cm}$	5
4	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi	Cái	Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, đường kính lưới lọc $\geq 3\text{mm}$, độ dài dây dẫn $\geq 190\text{cm}$. Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn $\geq 0.014"$ Lưới lọc được phủ heparin. Đường kính vượt tổn thương: $\geq 3.2\text{Fr}$ Có 1 marker đầu gần và 1 marker đầu xa. Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc.	18

2/2

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
5	Khung Giá đỡ (stent) Mạch Cảnh	Cái	Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng hợp kim. Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn. Độ dài ống thông có gắn stent $\geq 135\text{cm}$, sử dụng dây dẫn 0.014". Tương thích với dụng cụ mở đường $\geq 6\text{F}$. 2 điểm đánh dấu.	18
6	Khung giá đỡ (stent) động mạch thận	Cái	Khung giá đỡ động mạch thận: - khung giá đỡ nở bằng bóng - Vật liệu hợp kim - Thanh stent dày: $\leq 140\mu\text{m}$ - Catheter dài $\geq 140\text{cm}$. - Tương thích với dây dẫn $\geq 0.014"$ và hệ thống $\geq 4\text{F}$ - Có 1 vòng marker. - Kích thước khung giá đỡ : đường kính: $\geq 4.5\text{ mm}$ và chiều dài: $\geq 12\text{mm}$.	5
7	Vi dây dẫn đường (micro guide wire) các loại, các cỡ	Cái	Công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau Chiều dài $\geq 18\text{ cm}$. Tối thiểu phải có chiều dài 300 cm Đầu tip dạng thẳng, dạng uốn sẵn Khả năng tải đầu tip $\geq 1\text{ gf}$, tối thiểu phải có 40 gf Đường kính ≥ 0.014	50
8	Vi Dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi	Cái	Đường kính $\geq 0.014"$ (tối thiểu 3 cỡ) Độ dài $\geq 150\text{cm}$ (tối thiểu có cỡ 260cm) Chiều dài đầu tip $\geq 2\text{cm}$	80
9	Catheter (ống thông) hỗ trợ trong can thiệp ngoại vi	Cái	Đầu tip thon dần. Thân catheter có 3 vạch đánh dấu chắn xạ. Catheter có 3 loại tương thích với dây dẫn: ≥ 0.014 (tối thiểu 3 cỡ) Chiều dài : $\geq 135\text{cm}$.	20

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
10	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực thường	Cái	Bóng nong mạch ngoại vi phủ lớp ái nước Có 3 loại tương thích với 3 guidewire 0.014", 0.018", 0.035" Chiều dài catheter: $\leq 150\text{cm}$ Đường kính bóng: $\geq 1,5\text{mm}$ Chiều dài bóng: ≥ 20 đến 200mm	100
11	Bóng nong mạch ngoại vi áp lực cao	Cái	Bóng nong ngoại biên áp lực cao. Bóng tương thích với dây dẫn đường kính $\leq 0.035"$. Đường kính bóng: $\geq 4.0\text{ mm}$. Chiều dài bóng: $\geq 20\text{ mm}$. Chiều dài ống thông : $\geq 40\text{cm}$ (tối thiểu 3 cỡ)	80
12	Bóng nong mạch ngoại vi có gắn lưới dao hoặc có khía (Cutting Balloon)	Cái	Lưới dao gắn dọc trên bóng. Chiều dài ống thông: $\geq 50\text{ cm}$. Đường kính bóng $\geq 5\text{mm}$; Chiều dài bóng $\geq 20\text{mm}$. Tương thích dây dẫn $\geq 0.018"$ và sheath $\geq 6\text{F}$.	10
13	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	Cái	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc. Bóng đi trên vi dây dẫn 0.014": Đường kính từ: $\geq 1,5\text{ mm}$, Độ dài từ: $\geq 40\text{ mm}$. Bóng đi trên vi dây dẫn 0.018": đường kính $\geq 2.0\text{ mm}$, độ dài $\geq 20\text{mm}$. Bóng đi trên vi dây dẫn 0.035" : Đường kính: $\geq 5.0\text{ mm}$, Độ dài từ: $\geq 20\text{ mm}$.	60

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
14	Khung giá đỡ động mạch có màng bọc (Cover Stent) dùng cho can thiệp ngoại biên	Cái	Khung giá đỡ có màng bọc dùng cho can thiệp mạch máu Độ dày thanh chống stent $\geq 0.145\text{mm}$; độ rộng thanh chống $\geq 0.135\text{mm}$. Kích cỡ: - Đường kính : $\geq 5\text{mm}$ - Chiều dài: $\geq 18\text{mm}$ Catheter khả dụng: $\geq 75\text{ cm}$ Sheath tương thích: $\geq 6\text{F}$	5
15	Khung giá đỡ động mạch có màng bọc (Cover Stent) dùng cho động mạch chủ chậu	Cái	Khung giá đỡ có màng bọc dùng cho can thiệp động mạch chủ, động mạch chậu. Kích cỡ: Đường kính: $\geq 14\text{mm}$ Chiều dài $\leq 59\text{ mm}$ Catheter khả dụng: $\geq 75\text{ cm}$ Sheath tương thích: $\geq 11\text{F}$	3
II	Can thiệp mạch vành			
1	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus có trộn polymer	Cái	- Chất liệu kim loại - Phủ thuốc sirolimus hoặc Everolimus có trộn polymer - Kích cỡ stent: đường kính $\geq 2.25\text{mm} - \leq 4.5\text{mm}$ (tối thiểu 6 cỡ); - Chiều dài $\geq 8\text{ mm}$; - Có chứng nhận FDA hoặc CE (European Conformity)	150
2	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc sirolimus hoặc everolimus không trộn polymer	Cái	- Chất liệu kim loại - Phủ thuốc sirolimus hoặc Everolimus không trộn polymer - Kích cỡ stent: đường kính $\geq 2.25\text{mm} - \leq 4.5\text{mm}$ (tối thiểu 6 cỡ); - Chiều dài $\geq 8\text{ mm}$; - Có chứng nhận FDA hoặc CE (European Conformity)	150

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
3	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc novolimus hoặc tương đương có trộn polymer	Cái	- Chất liệu kim loại - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc novolimus hoặc tương đương, có trộn polymer - Kích cỡ stent: đường kính $\geq 2,25\text{mm}$ - $\leq 4,5\text{mm}$ (tối thiểu 6 cỡ); - Chiều dài $\geq 8\text{ mm}$; - Có chứng nhận FDA hoặc CE (European Conformity)	100
4	Khung giá đỡ động mạch vành bằng kim loại phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc novolimus hoặc tương đương không trộn polymer	Cái	- Chất liệu kim loại - Phủ thuốc Zotarolimus hoặc Biolimus hoặc tương đương, không trộn polymer - Kích cỡ stent: đường kính $\geq 2,25\text{mm}$ - $\leq 4,5\text{mm}$ (tối thiểu 6 cỡ); - Chiều dài $\geq 8\text{ mm}$; - Có chứng nhận FDA hoặc CE (European Conformity)	100
5	Khung giá đỡ dùng cho can thiệp mạch vành có màng bọc	Cái	* Stent được lưu tại vị trí để giữ cho lòng mạch mở rộng giúp máu lưu thông. Đặc biệt dùng cho thủng hoặc vỡ động mạch vành cấp tính và phình động mạch vành hoặc ghép động mạch vành. * Stent hợp kim CoCr phủ một lớp màng bọc ePTFE * Kích cỡ: - Đường kính: $\geq 2,50\text{mm}$ - $\leq 5,00\text{ mm}$(tối thiểu 6 cỡ) - Chiều dài: $\geq 12\text{mm}$	2
6	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Bóng nong động mạch vành phủ thuốc. - Áp suất NP $\geq 6\text{ bar}$. Áp suất RBP $\geq 16\text{bar}$ - Tương thích với ống thông 5F, 6F - Đường kính bóng $\geq 2,5\text{mm}$ (có tối thiểu 4 cỡ). - Dài $\geq 15\text{mm}$.	30

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
7	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cái	-Bóng nong có điểm cân quang - Đường kính ngang $\geq 1.0\text{mm} - \leq 5\text{ mm}$; chiều dài $\geq 8\text{mm}$. - Chiều dài hệ thống của Catheter $\geq 140\text{ cm}$. - Guide wire 0.014" - Tương thích với Guiding Catheter $\geq 5\text{F}$ - Áp suất danh định $\geq 6\text{ bar}$, áp lực cho phép tối đa $\leq 18\text{ bar}$	400
8	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	- Bóng có cấu trúc 3 lớp - Số điểm cân quang định vị bóng: 2 - Áp lực định mức: $\geq 12\text{atm}$. Áp lực tối đa $\geq 22\text{atm}$ - Độ dài trục: $\geq 140\text{ cm}$ - Lớp phủ ái nước Hydrophilic - Kích thước: - Đường kính tối thiểu $\geq 2,0\text{mm} - \leq 5.0\text{mm}$(tối thiểu 6 cỡ) - Chiều dài : $\geq 10\text{mm} - \leq 25\text{mm}$(Tối thiểu 3 cỡ)	400
9	Bóng nong mạch vành có khía kim loại hoặc gắn lưỡi dao (Cutting Balloon)	Cái	- Bóng nong mạch vành có gắn lưỡi dao nhỏ. - Trục được phủ Hydrophilic. - Các lưỡi dao gắn dọc trên bề mặt ngoài của sản phẩm. - Đường kính: $2.0\text{mm} - 4.0\text{mm}$ (tối thiểu có cỡ 2.0mm; 2.5mm) - Chiều dài $\geq 6\text{mm}$.	10
10	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay dây dẫn ái nước	Bộ	- Bộ dụng cụ mở đường quay ái nước bao gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. -Van cầm máu an toàn - Các cỡ $\geq 5\text{F}$, dài $\geq 10\text{cm}$ - Guidewire làm bằng thép không gỉ được phủ ái nước - Kim chọc mạch $\geq 20\text{G}$	300

2/2

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
11	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	Bộ	Bộ dụng cụ mở đường đùi bao gồm: vỏ sheath, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. Có van cầm máu an toàn. - Cỡ $\geq 4F$, dài $\geq 11cm$ - Chiều dài que nong: $\geq 165 mm$ - Dây dẫn đường làm bằng thép không rỉ dài $\geq 45cm$, - Kim chọc mạch $\geq 18G$	100
12	Dây dẫn đường ái nước cho Catheter	Cái	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim - Lớp ngoài có tính cản quang . - Lớp phủ ái nước. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong hoặc hình chữ J (Straight, Angled, J-Curve) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: $\geq 260 cm$ - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: $\geq 3 cm$ - Đường kính: $\geq 0.035"$	100
13	Dây dẫn đường bằng kim loại cho ống thông chẩn đoán	Cái	Dây dẫn chẩn đoán - Lõi làm bằng thép không gỉ. - Đầu dây dạng thẳng, có định dạng đầu tip chữ J: $\geq 3mm$ - Kích cỡ $\leq 0.035"$ dài $\geq 150cm - \leq 260cm$	50
14	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch và mạch ngoại biên (Long sheath)	Cái	Bộ bao gồm: 01 delator và 01 ống thông. Thành sheath có cấu trúc 3 lớp: lớp ngoài có tráng ái nước. Hình dáng : đầu thẳng, cong 45 độ, 90 độ. Kích cỡ: $\leq 8Fr$ dài $\leq 90cm$.	50
15	Catheter chụp động mạch vành 2 bên	Cái	Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép Tương thích guidewire $\geq 0.035"$ - Đường kính $\geq 4Fr$, chiều dài $\geq 100cm$.	300

2/2

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
16	Catheter chụp chẩn đoán tim và mạch vành loại mềm mại bên trái (JL), bên phải (JR)	Cái	Cấu tạo: 3 lớp. Lớp giữa là lớp đan kép - Kích thước: đường kính $\geq 4F$ dạng JR, JL... Chiều dài $\geq 100cm$. Tương thích guidewire $\geq 0.035"$.	200
17	Bộ phận kết nối	Cái	Bộ kết nối (manifold) chịu áp lực cao $\geq 500psi$. Có ≥ 2 cổng.	500
18	Dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ loại thường	Cái	Vật liệu: Titan hoặc Platinum, thép không gỉ hoặc tương đương Lớp phủ ngoài: Silicone và ái nước Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn. Kích thước: Đường kính $0.014"$, dài $\geq 180cm$	300
19	Vi ống thông (Micro catheter) trợ giúp dây dẫn đường cho bóng và khung giá đỡ mạch vành	Cái	Kích thước: - Đường kính ngoài: đoạn xa $\geq 1.8Fr$, đoạn gần $\geq 2.6Fr$ - Đường kính trong: đoạn xa $\geq 0.018"$, đoạn gần $\geq 0.021"$ - Chiều dài: $\geq 130 cm$ - Tương thích guidewire $0.014"$	18
20	Xilanh đầu xoay các cỡ	Cái	Bơm tiêm thuốc cân quang dung tích: 1ml- 10ml(tối thiểu 3 cỡ) - Pitong hoạt động trơn tru, vạch chia độ rõ nét, khóa xoay được đảm bảo an toàn đầu nối. Được thiết kế để sử dụng 1 tay.	900
21	Catheter thông tim	Cái	Cấu tạo: 3 lớp - Kích thước: đường kính $\geq 4Fr$. Chiều dài $\geq 100cm$. - Tương thích guidewire $\geq 0.035"$.	5
22	Ống thông (Guiding catheter) hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp tắc động mạch vành phức tạp	Cái	Các cỡ $\geq 6F$ Lớp phủ ái nước Chiều dài $\geq 150cm$	20

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
23	Dụng cụ đóng động mạch đùi loại 1	Cái	Dùng mũi khâu bằng chỉ ngoại khoa Polypropylene - Khả năng đóng mạch máu có kích thước 5 – 21F (động mạch) và 5 – 24F (tĩnh mạch) Cơ chế kéo cắt (QuickCut) trên thân dụng cụ, Nút thắt được tạo sẵn.	60
24	Dụng cụ đóng động mạch đùi loại 2		Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ $\geq 0.035"$, dài $\geq 70\text{cm}$ - 01 que nong(dilator) - 01 dụng cụ mở đường(sheath) Cơ chế cầm máu với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch. Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học Kích cỡ: $\geq 6\text{Fr}$	50
25	Ống thông trợ giúp can thiệp cho mạch vành	Cái	Kích thước: Cỡ 5 - 8 Fr. Chiều dài $\geq 90\text{cm}$. Bao gồm các loại đầu cong đặc biệt JL, JR, AL, AR... Có các đầu cong phù hợp với tiếp cận đường quay. Lớp áo ngoài có khả năng bắt cản quang.	200
26	Kim chọc mạch đùi	Cái	- Kích thước 18G - 21G (Tối thiểu có cỡ 18G), đường kính lòng kim $\geq 1,3\text{mm}$; dài $\geq 70\text{mm}$. - Chất liệu: thép không gỉ lòng trong đi được Guidewire $\geq 0,035"$.	350
27	Bộ bơm bóng áp lực cao	Cái	Bộ bơm bóng áp lực cao với phụ kiện đầy đủ: chịu áp lực $\geq 1200\text{ psi}$. Đồng hồ đo áp suất và dây nối áp lực cao Dung tích: $\geq 20\text{ml}$. Áp lực $\geq 30\text{atm}$	250
III	Máy tạo nhịp			

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
1	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng	Bộ	Bộ máy tạo nhịp tái đồng bộ tim 3 buồng bao gồm: - Thân máy tương thích với chụp cộng hưởng từ $\geq 1,5$ Tesla - Phụ kiện: + Dây điện cực tạo nhịp ≥ 03 cái + Dụng cụ đưa dây dẫn ≥ 01 cái + Ống thông bơm thuốc cản quang + Kim chọc $\geq 6F$ (tối thiểu 3 cái). + Bộ ống thông với phụ kiện đưa dây thất trái vào xoang vành.	1
2	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng đáp ứng tần số tương thích MRI	Bộ	Máy tạo nhịp tim 1 buồng đáp ứng tần số bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái; Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla. - Phụ kiện: + Dây điện cực tạo nhịp: 01 cái. Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla. Chiều dài: ≥ 52 cm + Kim chọc $\geq 6F$: 01 cái	10
3	Máy tạo nhịp phá rung (ICD) 1 buồng, tương thích MRI toàn thân	Bộ	Máy tạo nhịp phá rung 1 buồng bao gồm: - Thân máy chính: 01 cái; • Năng lượng sốc $\geq 25J$ • Tương thích với chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla • Lập trình có tính năng giúp giảm số lần shock không thích hợp và không cần thiết. - Phụ kiện: + Dây điện cực phá rung: 01 cái; + Kim chọc mạch: 01 cái	2

Handwritten signature

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
4	Máy tạo nhịp không dây 1 buồng có đáp ứng tần số tương thích MRI toàn thân	Bộ	Tạo nhịp tim 1 buồng không dây, có đáp ứng nhịp Tương thích với chụp cộng hưởng từ $\geq 1,5$ Tesla Tự động theo dõi và điều chỉnh ngưỡng nhận cảm. Máy có phần mềm quản lý ngưỡng tạo nhịp thất	1
5	Bộ máy tạo nhịp 2 buồng không đáp ứng tần số	Bộ	Máy tạo nhịp 2 buồng không đáp ứng tần số bao gồm: - Thân máy: 01 cái. Tương thích với chụp cộng hưởng từ $\geq 1,5$ Tesla - Phụ kiện: + Kim chọc mạch $\geq 6F$: 02 cái + Dây điện cực: 02 cái	30
6	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số	Bộ	Máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số bao gồm: - Thân máy có đáp ứng tần số: 01 cái. - Phụ kiện: + Kim chọc mạch $\geq 6F$: 02 cái. + Dây điện cực: 02 cái	35
7	Hệ thống tạo nhịp bó His/ bó nhánh trái kèm phụ kiện tiêu chuẩn	Bộ	Hệ thống tạo nhịp bó His bao gồm: - Điện cực tạo nhịp bó His - Kim chọc mạch $\geq 18G$ Cho phép chụp cộng hưởng từ ≥ 1.5 Tesla	5
VI	Vật tư y tế dùng cho Mổ tim			
1	Van tim nhân tạo cơ học hai lá	Cái	Van nhân tạo cơ học hai lá - Góc mở cánh van ≥ 80 độ - Kích thước: $\geq 25mm$ (Tối thiểu 5 cỡ)	15
2	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ	Cái	Van tim nhân tạo cơ học động mạch chủ - Góc mở cánh van ≥ 80 độ + Kích thước van: $\geq 19mm$ (Tối thiểu 5 cỡ)	15

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
3	Van hai lá sinh học	Cái	Van hai lá được làm bằng màng ngoài tim bò hoặc van động mạch chủ của lợn. Kích thước van $\geq 23\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ)	10
4	Van động mạch chủ sinh học	Cái	Van động mạch chủ sinh học được làm bằng màng ngoài tim bò hoặc van động mạch chủ của lợn. - Kích thước van $\geq 19\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ)	10
5	Vòng van hai lá	Cái	Vòng van bán cứng, loại kín và hở dùng cho vị trí van hai lá. Kích thước: $\geq 26\text{mm}$ (Tối thiểu 5 cỡ)	15
6	Vòng van ba lá	Cái	Vòng van mềm, loại kín và hở dùng cho cả vị trí 2 lá và 3 lá. Kích thước: $\geq 25\text{mm}$ (Tối thiểu 5 cỡ)	20
7	Kit thử HR-ACT	test	Bộ ống mẫu cho máy đo độ đông máu HR ACT	300
8	Canuyn tĩnh mạch gấp góc đầu sắt	Cái	Cannula tĩnh mạch phần đầu uốn cong, mũi vát và có nhiều lỗ Thân chống xoắn. Kích thước $\geq 20\text{ Fr}$ (Tối thiểu 6 cỡ)	20
9	Cannula động mạch đùi/ tĩnh mạch cảnh (dùng trong trường hợp mổ ít xâm lấn)	Cái	Cannula động mạch đùi hoặc tĩnh mạch cảnh Kích thước: $\geq 15\text{Fr}$ (tối thiểu 4 cỡ) Thân chống xoắn Có vòng chắn xạ	5
10	Cannula tĩnh mạch đùi	Cái	Cannula tĩnh mạch đùi + Thân chống xoắn + Có vòng chắn xạ + Dài $\geq 60\text{ cm}$ + Cỡ $\geq 15\text{Fr}$ (Tối thiểu 4 cỡ)	5
11	Canuyn động mạch thẳng	Cái	Canuyn động mạch thẳng + Kích thước $\geq 16\text{Fr}$	20

nh

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
12	Canuyn tĩnh mạch 2 nòng	Cái	Cannula tĩnh mạch 2 tầng + Đầu có lỗ bên, có dây chống xoắn và marker đánh dấu độ sâu + Cỡ $\geq 28/36$ Fr (Tối thiểu 3 cỡ)	5
13	Canuyn tĩnh mạch thẳng	Cái	Cannula tĩnh mạch thẳng + Cỡ ≥ 12 Fr + Đầu thẳng dây dẫn chống xoắn, + Đầu canuyn có nhiều lỗ	20
14	Dây nối chữ Y truyền vành	Cái	Dây nối truyền dung dịch liệt tim chữ Y Có kẹp trên dây	10
15	Kim gốc động mạch chủ	Cái	Cannulae gốc động mạch chủ + Có đầu chắn xạ + Cỡ đầu Cannula ≥ 7 Fr + Chiều dài ≤ 15 cm.	20
16	Ống hút tim trái	Cái	Cannula hút tim trái + Đầu tip có nhiều lỗ + Thân cannula thẳng, có marker đánh dấu độ sâu + Các cỡ ≥ 10 Fr (tối thiểu 5 cỡ)	20
17	Que truyền vành	Cái	Kim truyền động mạch vành + Cỡ ≥ 10 Fr (tối thiểu 3 cỡ)	20
18	Chỉ khâu van tim	Sợi	Chỉ khâu không tiêu đa sợi thành phần polyester. Chỉ số 2/0, dài ≥ 75 cm 2 kim tròn đầu cắt cong 1/2 vòng tròn, kích thước ≥ 17 mm	400

Handwritten signature

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
19	Chỉ khâu van tim có miếng đệm	Sợi	Chỉ khâu không tiêu đa sợi thành phần polyester. Chỉ số 2/0, dài $\geq 75\text{cm}$ Chỉ 2 kim tròn đầu cắt cong 1/2 vòng tròn, kích thước $\geq 16\text{mm}$ Miếng đệm Pledget	1100
20	Miếng vá nhân tạo	Miếng	Miếng vá phẫu thuật loại không tự tiêu, chất liệu polyesterurethan, dày $\geq 0.45\text{mm}$, Kích thước $4\text{cm} \times 5\text{cm}$	5
21	Mạch máu nhân tạo chữ Y	Cái	Chất liệu Polyester, được thiết kế dệt kim. Kích cỡ $16\text{mm} \times 8\text{mm}$, $18\text{mm} \times 9\text{mm}$ và $20\text{mm} \times 10\text{mm}$	30
22	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng cho bắc cầu mạch thông thường	Cái	Chất liệu Polyester. Được thiết kế dệt kim Chiều dài $\geq 60\text{cm}$; đường kính $\geq 6\text{mm}$	5
23	Mạch máu nhân tạo thẳng dùng cho các vị trí chịu áp lực.	Cái	Chất liệu PTFE hoặc ePTFE. Chiều dài $\geq 60\text{cm}$; đường kính $\geq 6\text{mm}$	5

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 2259/TB-BVT ngày 28/07/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT (1)	Danh mục thiết bị y tế (2)	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất (3)	Thông số kỹ thuật (4)	Mã HS (5)	Năm sản xuất (6)	Xuất xứ (7)	Đơn vị tính (8)	Số lượng/ khối lượng (9)	Đơn giá (VNĐ) (10)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ) (11)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ) (12)	Thành tiền (VNĐ) (13)
1												
2												

Ghi chú:

(3) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(13) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)

“Danh mục thiết bị y tế” là bộ , báo giá chi tiết từng thành phần theo bộ.

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)

Số: 1828 /QĐ-BVT

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**V/v thành lập Hội đồng xây dựng kế hoạch và dự toán
Mua sắm vật tư y tế sử dụng cho phẫu thuật và can thiệp tim mạch
của bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu;

Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP Ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ Quy định về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2023 của chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 58/2012/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư 08/2023/TT-BYT ngày 14 tháng 04 năm 2023 của Bộ y tế bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành;

Căn cứ Thông tư 14/2022/TT-BYT ngày 06/12/2022 của Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;

Căn cứ Thông tư 14/2023/TT-BYT ngày 30/06/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-SYT ngày 27/06/2022 của Sở Y tế Quảng Ninh về việc ban hành Quy trình thực hiện mua sắm hàng hóa và sửa chữa cơ sở vật chất tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Công văn 6080/SYT-KHTC ngày 22/11/2022 về việc Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 906/QĐ-SYT ngày 27/06/2022 của Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng xây dựng kế hoạch và dự toán Mua sắm vật tư y tế sử dụng cho phẫu thuật và can thiệp tim mạch của bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh gồm các ông, bà có tên sau đây:

1. Bà Đặng Thị Thúy - PGĐ bệnh viện, Chủ tịch Hội đồng;
2. Ông Nguyễn Huy Tiến- PGĐ bệnh viện, Phó Chủ tịch Hội đồng;
3. Ông Vũ Anh Tuấn - PGĐ bệnh viện, Phó Chủ tịch Hội đồng;
4. Bà Nguyễn Thị Hải Thanh - Trưởng khoa KSNK, Thư ký Hội đồng;
5. Bà Bùi Thị Nguyệt Ánh - Trưởng phòng KHTH, Thành viên;
6. Bà Nguyễn Thị Vinh - Trưởng phòng TCKT, Thành viên;
7. Ông Phạm Quang Huy – Phó trưởng phòng QLCL, Thành viên;
8. Ông Trần Quang Định - Phụ trách khoa KCBTYC, Trưởng khoa Phẫu thuật và Can thiệp tim mạch, Thành viên;
9. Ông Nguyễn Khắc Linh – Trưởng khoa nội B, Thành viên;
10. Ông Phạm Việt Hùng – Trưởng khoa Ngoại, Thành viên;
11. Ông Ngô Văn Tuấn – Phó trưởng khoa Tim mạch, Thành viên;
12. Ông Phan Thanh Nghĩa – Trưởng khoa HH-NN, Thành viên;
13. Ông Trần Văn Minh – Nhân viên phòng KHTH, Thành viên;
14. Bà Đoàn Thị Hương – Nhân viên phòng KHTH, Thành viên;
15. Bà Đào Thị Thùy - Nhân viên khoa KSNK, Thành viên;
16. Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa KSNK, Thành viên;
17. Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Nhân viên khoa KSNK, Thành viên.

Điều 2. Nhiệm vụ của Hội đồng:

Xây dựng danh mục, số lượng, thông số kỹ thuật cơ bản và dự toán Mua sắm vật tư y tế sử dụng cho phẫu thuật và can thiệp tim mạch phục vụ tốt yêu cầu chuyên môn và đảm bảo tính cạnh tranh trong quá trình lựa chọn nhà thầu.



Điều 3. Giao khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn là đơn vị thường trực của Hội đồng, có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức các hoạt động của Hội đồng.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà có tên tại Điều 1 và các bộ phận có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ. *Đm*

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Lưu VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt

